***Thời gian XDKH:*** *………………………*

***Thời điểm THKH:*** *………………………*

**Văn bản 2 : THÚY KIỀU BÁO ÂN BÁO OÁN**

*(Truyện Kiều –* Nguyễn Du*)*

*Thời lượng: 90 phút*

**I. MỤC TIÊU**

***1. Năng lực***

***1.1. Năng lực đặc thù***

Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật, lời thoại.

Nêu được nội dung bao quát của văn bản; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.

Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.

***1.2. Năng lực chung***

*- Năng lực tự chủ và tự học*: tự nghiên cứu bài ở nhà; tìm kiếm nguồn học liệu qua các kênh sách hoặc trên internet; hoàn thành các phiếu học tập được giao; tự đánh giá và đánh giá, tranh luận, phản biện qua các hoạt động nhóm.

*- Năng lực giao tiếp và hợp tác*: biết lựa chọn nội dung, ngôn từ và các phương tiện giao tiếp khác phù hợp với ngữ cảnh và đối tượng giao tiếp, phát triển khả năng làm việc nhóm.

*- Năng lực giải quyết vấn đề:* phối hợp, vận dụng những kinh nghiệm của bản thân, kiến thức, kĩ năng để giải quyết các tình huống trong học tập.

***2. Phẩm chất***

*- Yêu nước:* Yêu di sản văn hóa dân tộc qua các tác phẩm kinh điển xưa.

*- Chăm chỉ:* Chăm học, chăm làm, học hỏi những phương pháp mới để phát triển bản thân.

*- Trách nhiệm:* Có trách nhiệm với bản thân và cộng đồng, nâng cao ý thức trách nhiệm học tập phát triển bản thân và đóng góp cho xã hội.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

SGK, SGV

Máy tính, ti vi, điện thoại có kết nối internet, chiếu tranh ảnh, video liên quan đến bài học

Phiếu học tập. (lưu ý: tùy theo tình hình, gv có thể cung cấp phiếu học tập từ tiết trước cho hs phô tô hoặc cho hs kẻ sẵn vào trong vở).

*Phiếu học tập số 1:* Hướng dẫn đọc trải nghiệm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi tưởng tượng, suy luận.** | **Cách hiểu của em** | **Trao đổi với bạn** | **Nhận xét của giáo viên** |
| 1. Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán? |  |  |  |
| 2. Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2.319 đến dòng 2.324)? |  |  |  |
| 3. Đọc đoạn thơ từ dòng 2.327 đến dòng 2.332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều? |  |  |  |
| 4. Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe? |  |  |  |
| 5. Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2.365 đến dòng 2.372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại. |  |  |  |

*Phiếu học tập số 2:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Các sự kiến chính** | **Nhân vật gắn liền với sự kiện** |
| ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |
| ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |
| **Bố cục của văn bản:**  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | |
| **Nội dung bao quát của văn bản:**  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………  ………………………………………………………………………………………………………………… | |

*Phiếu học tập số 3:*

|  |
| --- |
| **Nhân vật Thúy Kiều** |
| Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Thúy Kiều:  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  ……………………………………………………………………………………………………………………  Tính cách, phẩm chất của Thúy Kiều:  …………………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………………………………… |

*Phiếu học tập số 4:*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhân vật Hoạn Thư** | | |
| Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Hoạn Thư | Tính cách, phẩm chất của Hoạn Thư |
| …………………………………………………………  …………………………………………………………  …………………………………………………………  ………………………………………………………… | …………………………………………………  …………………………………………………  …………………………………………………  ………………………………………………… |

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HĐ 1. Xác định vấn đề/chuẩn bị đọc** *(5 phút)*

**1. Mục tiêu**

Kết nối tri thức, dẫn dắt học sinh nhận biết mục tiêu văn bản.

Tạo hứng khởi cho học sinh trước khi vào bài mới

**2. Nội dung**

Kiểm tra năng lực nhận biết của học sinh về đặc điểm thể loại truyện thơ Nôm qua công cụ trực tuyến plickers

Cho hs chia sẻ suy nghĩ về vấn đề liên quan đến bài học.

**3. Sản phẩm**

HS dùng thẻ plickers để trả lời các câu hỏi về kiến thức thể loại Truyện thơ Nôm

HS trao đổi ý kiến cá nhân về vấn đề được hỏi.

**4. Tổ chức thực hiện**

**B1. Chuyển giao nhiệm vụ**

**Nhiệm vụ 1**: GV kiểm tra kiến thức về thể loại truyện thơ Nôm qua công cụ Plickers trực tuyến. Các câu hỏi thiết kế như sau:

***1. Truyện thơ Nôm ra đời vào khoảng thời gian nào?***

*a. Thế kỉ XVI*

*b. Thế kỉ XVII*

*c. Thế kỉ XVIII*

*d. Thế kỉ XIX.*

***2. Truyện thơ Nôm sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?***

*a. Tự sự.*

*b. Miêu tả.*

*c. Biểu cảm.*

*d. Thuyết minh.*

***3. Truyện thơ Nôm chủ yếu được viết theo thể thơ gì?***

*a. Thơ Ngũ ngôn tứ tuyệt.*

*b. Thơ Thất ngôn bát cú Đường Luật.*

*c. Thơ Lục bát.*

*d. Thơ tự do.*

***4. Truyện thơ Nôm được mệnh danh là kiệt tác hàng đầu của nên văn học dân tộc Việt Nam là:***

*a. Truyện Lục Vân Tiên.*

*b. Truyện Kiều.*

*c. Quan Âm thị Kính.*

*d. Thạch Sanh.*

***5. Tác giả của Truyện Kiều - Người được mệnh danh là đại thi hào dân tộc Việt Nam là ai?***

*a. Nguyễn Đình Chiểu*

*d. Hồ Xuân Hương*

*c. Nguyễn Dữ*

*d. Nguyễn Du*

**Nhiệm vụ 2:** GV cho hs trao đổi, thảo luận và chia sẻ những hiểu biết của mình về Truyện Kiều và tác giả Nguyễn Du.

*? Các em biết những gì về Truyện Kiều và những thông tin về tác giả Nguyễn Du?*

**B2. Thực hiện nhiệm vụ**

HS suy nghĩ, thảo luận, trả lời các câu hỏi.

**B3. Báo cáo thảo luận**

Hs chia sẻ những hiểu biết của bản thân

**B4. Kết luận, nhận định**

Gv nhận xét câu trả lời của Hs và kết nối vào phần kiến thức mới.

Gv giới thiệu về tác giả Nguyễn Du và giá trị của Truyện Kiều trong nền văn học Việt Nam

**HĐ 2. Hình thành kiến thức mới** *(85 phút)*

|  |  |
| --- | --- |
| **I. ĐỌC TRẢI NGHIỆM CÙNG VĂN BẢN** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Có nhận thức khái quát về văn bản.  **b. Nội dung**  Đọc hóa thân thành nhân vật và trả lời câu hỏi dự đoán, suy luận  **c. Sản phẩm**  Trích đoạn kịch hoàn chỉnh do hs biểu diễn, câu trả lời của học sinh.  **b. Tổ chức thực hiện**  Gv sử dụng kĩ thuật “động não”.  *Thời lượng: 20 phút* | |
| **1. Đọc, trải nghiệm đóng vai** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV 1 bạn hs đọc văn bản mẫu.  - Tổ chức hoạt cảnh diễn tả lại nội dung văn bản *Chuẩn bị:*  1 bạn học sinh đóng vai trò người dẫn truyện  Các vai diễn:  + 4 bạn hs trong vai Thúy Kiều, Từ Hải, Thúc Sinh, Hoạn Thư  + 7 bạn hs trong vai Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ung, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh.  Những bạn hs còn lại: Vai binh lính.  đạo cụ: 2 ghế cho Từ Hải và Thúy Kiều.  Sắp xếp khoảng trống trên lớp thành công đường.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  HS thực hiện theo yêu cầu đóng vai của giáo viên  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS thực hiện biểu diễn trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  GV nhận xét phần đóng vai của học sinh | Yêu cầu: Các nhân vật thể hiện thần thái, tác phong, cử chỉ, giọng điệu giống cách miêu tả nhân vật trong văn bản. |
| **2. Dự đoán, suy luận** | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu hs trả lời các câu hỏi dự đoán và suy luận trong bài.  1. Xác định những từ ngữ được dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán?  2. Tóm tắt nội dung cuộc đối thoại giữa Từ Hải và Thúy Kiều (từ dòng 2.319 đến dòng 2.324)?  3. Đọc đoạn thơ từ dòng 2.327 đến dòng 2.332, em hình dung như thế nào về tâm trạng, giọng điệu của Kiều?  4. Cách dùng từ “tiểu thư” để xưng hô trong lời thoại thể hiện thái độ gì của người nói đối với người nghe?  5. Mục đích của đoạn thoại từ dòng 2.365 đến dòng 2.372 là gì? Chỉ ra những lí lẽ mà nhân vật đã sử dụng trong đoạn thoại.  - GV cho hs nhận xét và nêu cảm nhận chung của mình về từng nhân vật.  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  **Hs** thực hiện theo yêu cầu.  **B3. Báo cáo thảo luận**  HS chia sẻ trước lớp  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét phần chia sẻ của học sinh | 1. Từ ngữ dùng để miêu tả khung cảnh Kiều thực hiện việc báo ân, báo oán*:* *trướng hùm, trung quân, cửa viên, tiên nghiêm.*  2. Thúy Kiều nói với Từ Hải rằng sẽ xử quyết báo đền ân tình, trả thù với những kẻ giúp đỡ, gây hại nàng.  3. Qua đoạn thơ ta thấy, Kiều ân cần hỏi han Thúc Sinh để trấn an chàng. Hai chữ người cũ mang sắc thái thân mật, gần gũi, biểu hiện tấm lòng biết ơn chân thành của nàng. Khi nói với Thúc Sinh, trong ngôn ngữ của Kiều xuất hiện nhiều từ Hán Việt: *nghĩa, tòng, phụ, cố nhân…* kết hợp với điển cố *Sâm Thương*. Cách nói trang trọng này phù hợp với chàng thư sinh họ Thúc đồng thời diễn tả được tấm lòng biết ơn trân trọng của Kiều  4. Vừa thấy Hoạn Thư, nàng đã chào thưa, vẫn gọi Hoạn Thư là *tiểu thư*.Cả hành động và lời nói của Kiều đều biểu thị thái độ mỉa mai, chì chiết. Cách xưng hô này còn là một đòn quất mạnh vào mặt ả đàn bà họ Hoạn có máu ghen ghê gớm.  5. Đoạn thoại đó là lời tự bào chữa của Hoạn Thư.  - Hoạn Thư khôn khéo đưa Kiều từ vị thế đối lập trở thành người đồng cảnh, cùng chung *chút phận đàn bà*. Nếu Hoạn Thư có tội thì cũng là do tâm lí chung của giới nữ: *Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai.* Từ *tội nhân*, Hoạn Thư đã lập luận để mình trở thành *nạn nhân* của chế độ đa thê. |

|  |  |
| --- | --- |
| **II. SUY NGẪM VÀ PHẢN HỒI** | |
| **1. Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm qua văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:** Giúp HS  - Nhận biết và phân tích được một số yếu tố của truyện thơ Nôm như: cốt truyện, nhân vật,lời thoại.  *-* Nêu được nội dung bao quát của VB; bước đầu biết phân tích các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  - Biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 45 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  GV cho hs làm PHT số 2,3,4. Sau khi làm xong PHT, giáo viên cho hs rút ra các đặc điểm về thể loại qua các câu hỏi như sau:  ? Thể thơ? Mô hình cốt truyện của tác phẩm?  ? Đặc điểm nhân vật trong truyện thơ Nôm qua văn bản?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - HS thực hiện theo yêu cầu  **B3. Báo cáo thảo luận**  - Hs báo cáo  **B4. Kết luận, nhận định**  Gv nhận xét, kết luận, nhận định. | - Thể thơ đặc trưng của truyện thơ Nôm: thơ lục bát.  - Cốt truyện toàn tác phẩm: theo mô hình gặp gỡ - tai biến – đoàn tụ. Trong đoạn trích: mô hình nhân – quả (ở hiền gặp lành). Nội dung truyện thể hiện trạng thái viên mãn hạnh phúc khi ân, oán được đền bồi. Thúy Kiều báo được ân oán với Thúc Sinh, Hoạn Thư và những nhân vật khác  - Cách xây dựng nhân vật: Sử dụng motif song trùng trong truyện thơ Nôm: Trai tài (Từ Hải) – gái sắc (Thúy Kiều); motif chính – tà (Thúy Kiều – Bạc Bà, Sở Khanh, ….)  - Nhân vật  + Thúy Kiều: điển hình trong truyện thơ Nôm, đó là sự hướng tới vẻ đẹp phẩm chất cao quý, lí tưởng, là mơ ước của cộng đồng muốn đạt đến. Kiều là người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời *(báo ân rồi sẽ trả thù):* trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo trong mối quan hệ với Thúc Sinh; bao dung, độ lượng, có phần thấu hiểu với cảnh ngộ của người khác trong mối quan hệ với Hoạn Thư; mạnh mẽ, quyết liệt đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác trong mối quan hệ với bọn “buôn thịt bán người”,…  + Nhân vật Hoạn Thư: có thế giới nội tâm phong phú, đa dạng, khôn ngoan, lọc lõi, thấu hiểu tâm lý đối phương.  + Nhân vật Từ Hải trong văn bản:Là hình tượng tiêu biểu cho nhân vật anh hùng, đại diện cho tự do, công lý, thế hiện mơ ước của nhân dân. Trao uy quyền cho Kiều, tin tưởng Kiều là người thông minh, sáng suốt và có thể thực hiện việc báo ân báo oán phân minh. |
| *Phiếu học tập số 2:*   |  |  | | --- | --- | | **Các sự kiến chính** | **Nhân vật gắn liền với sự kiện** | | Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều | Từ Hải, Thuý Kiều | | Kiều báo ân Thúc Sinh và một số người khác (phần này đã bị lược bớt: từ câu 2339 đến câu 2354) | Thuý Kiều, Thúc Sinh; phần bị lược bớt có sự xuất hiện của *mụ già* (bà quản gia nhà họ Hoạn) và *Sư trưởng* (Giác Duyên) | | Kiều báo oán Hoạn Thư và những kẻ khác | Thuý Kiều, Hoạn Thư, Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh | | **Bố cục của văn bản:**  - 10 dòng thơ đầu (*Trướng hùm mở giữa trung quân … Từ rằng “Việc ấy để cho mặc nàng”*): Từ Hải mở “trướng hùm” và trao quyền báo ân, báo oán cho Kiều.  - 14 dòng thơ tiếp theo (*Cho gươm mời đến Thúc lang … Mồ hôi chàng đã như mưa ướt dầm*): Thuý Kiều báo ân.  - 34 dòng thơ tiếp theo (*Dưới cờ gươm tuốt nắp ra … Thề sao thì lại cứ sao gia hình*): Thuý Kiều báo oán.  - Phần còn lại: Lời bình của người kể chuyện. | | | **Nội dung bao quát của văn bản:**  VB kể về việc Kiều dưới sự trợ giúp của Từ Hải đã thực hiện việc báo ân người đã giúp đỡ nàng, đồng thời trừng trị, răn đe những kẻ bất nhân, tàn ác. Vị trí các sự kiện được kể của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* trong cốt truyện *Truyện Kiều*: *Truyện Kiều* mang đặc điểm mô hình *gặp gỡ (hội ngộ) – tai biến (lưu lạc) – đoàn tụ (đoàn viên)* của truyện thơ Nôm; các sự kiện của phần VB *Thuý Kiều báo ân, báo oán* nằm ở giai đoạn *tai biến* *(lưu lạc)* của cốt truyện. | |   *Phiếu học tập số 3:*   |  |  | | --- | --- | | **Nhân vật Thúy Kiều** | | | **Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Thúy Kiều**  - Kiều nhờ cậy uy nghiêm của Từ Hải để thực hiện việc báo ân và báo oán.  **\* Qua lời nói, Kiều bày tỏ lòng biết ơn, sự trân trọng của mình với những ân tình của Thúc Sinh:**  + Kiều nhớ ơn Thúc Sinh đã cứu nàng thoát khỏi lầu xanh và cũng đã từng có những tháng ngày êm ấm, xem đó là “nghĩa trọng tình non”. Khi gọi Thúc Sinh là “chàng”, là “cố nhân” (thể hiện sắc thái trang trọng) và tự nhận mình là “người cũ” (sắc thái thân mật, gần gũi), Kiều đã khéo léo, kín đáo nhắc lại tình nghĩa mặn nồng một thuở giữa hai người  + Trong ngôn ngữ trò chuyện với Thúc Sinh, Kiều đã dùng nhiều từ Hán Việt (*nghĩa, tòng, cố nhân, tạ,…*) và điển cố (*Sâm Thương*) để bày tỏ thái độ trân trọng dành cho “cố nhân”. Những ân tình ấy dù cho “gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân” cũng không dễ gì đền đáp  – Khi nói với Thúc Sinh, Kiều đã nhắc đến Hoạn Thư với những từ ngữ nôm na, dân dã, quen thuộc như thành ngữ *kẻ cắp bà già gặp nhau*, *kiến bò miệng chén*, *vợ chàng*, *quỷ quái*, *tinh ma*, *mưu sâu*, *nghĩa sâu*,… Kiều đã vạch rõ với Thúc Sinh: vợ cả của chàng là một người nham hiểm, độc ác; là kẻ gây nên tình cảnh chia lìa giữa nàng với Thúc Sinh và khẳng định Thúc Sinh không có lỗi trong việc này. Điều này cho thấy Kiều rất hiểu Thúc Sinh. Có lẽ vết thương lòng mà Hoạn Thư gây ra cho Kiều không dễ nguôi ngoai nên trong lời nói, Kiều đã báo trước với Thúc Sinh về dự định trả thù Hoạn Thư  **\* Kiều báo oán Hoạn Thư:**  – Đầu tiên, Kiều vẫn “chào thưa” và sử dụng cách xưng hô như lúc còn làm hoa nô cho nhà họ Hoạn: gọi Hoạn Thư là “tiểu thư”. Tiếp theo, Kiều dường như dằn giọng từng tiếng một khi sử dụng lặp đi lặp lại, nhấn mạnh một số từ ngữ như *dễ có, dễ dàng, mấy tay, mấy mặt, mấy gan, đời xưa, đời này, càng cay nghiệt, càng oan trái,…* Trong hoàn cảnh diễn ra cuộc báo ân, báo oán thì vị trí của Thuý Kiều và Hoạn Thư đã có sự thay bậc đổi ngôi: Kiều giờ đã là phu nhân của Từ Hải, người phán quyết của phiên toà “ân – oán” hôm nay, còn Hoạn Thư giờ đang là kẻ bị luận tội. Vì vậy, cách xưng hô và sử dụng ngôn ngữ như thế cho thấy thái độ mỉa mai, đay nghiến, giễu cợt đối với tiểu thư con quan Lại bộ  – Sau khi nghe Hoạn Thư kêu ca, phân trần, Kiều thừa nhận đây là con người “Khôn ngoan đến mực nói năng phải lời” và thừa nhận khó xử. Khi thấy Hoạn Thư tỏ vẻ biết lỗi, xin tha, Kiều có răn đe và rộng lượng tha cho Hoạn Thư: “Đã lòng tri quá thì nên/ Truyền quân lệnh xuống trướng tiền tha ngay”  **\* Kiều báo oán những kẻ khác:**  – Kiều lần lượt liệt kê từng kẻ gian ác như Bạc Hạnh, Bạc Bà, Ưng, Khuyển, Sở Khanh, Tú Bà, Mã Giám Sinh. Kiều không liệt kê theo thời gian gặp gỡ chúng trong cuộc đời nàng mà theo logic của sự căm phẫn: kẻ gây oán với nàng từ lúc gần nhất cho đến những thời điểm lâu hơn trong quá khứ. Kiều kể không sót ai, cho thấy nàng thật sự phẫn nộ, căm tức, uất hận  – Ngôn ngữ, giọng điệu của nàng ở lượt đối thoại này ngắn gọn, sắc lạnh, quả quyết: *Nàng rằng: “Lồng lộng trời cao/ Hại nhân, nhân hại, sự nào tại ta!; Các tên tội ác đáng tình còn sao?”* 🡪 Kiều khẳng định hậu quả mà chúng phải gánh chịu hôm nay là kết quả của việc thực thi công lí ở đời  – Kiều dứt khoát, mạnh mẽ, kiên quyết nghiêm trị cái ác: *Lệnh quân truyền xuống nội đao/ Thề sao thì lại cứ sao gia hình* | | **Tính cách, phẩm chất của Thúy Kiều**  Kiều người thấu hiểu đạo lí nhân nghĩa ở đời (báo ân rồi sẽ trả thù): trọng ân nghĩa, vị tha, tế nhị, khéo léo trong mối quan hệ với Thúc Sinh; bao dung, độ lượng, có phần thấu hiểu với cảnh ngộ của người khác trong mối quan hệ với Hoạn Thư; mạnh mẽ, quyết liệt đòi lại công bằng cho bản thân, không khoan nhượng với cái ác trong mối quan hệ với bọn “buôn thịt bán người”,… |   *Phiếu học tập số 4:*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhân vật Hoạn Thư** | | | | Chi tiết miêu tả hành động ngôn ngữ của Hoạn Thư | Tính cách, phẩm chất của Hoạn Thư | | - Hồn lạc, phách xiêu, khấu đầu dưới trướng, kêu ca  - Lời nói: Đưa ra nhiều lí lẽ để “kêu ca”, gỡ tội:  + Dẫn ra quy luật tâm lí thường tình của phụ nữ (*Rằng: “Tôi chút phận đàn bà/ Ghen tuông thì cũng người ta thường tình*) và khẳng định mình cũng là nạn nhân của chế độ đa thê (*Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai*);  + Kể lại những việc làm có lợi cho Kiều ngày trước: *Nghĩ cho khi các viết kinh/ Với khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo*;  + Thừa nhận sự kính trọng thầm kín dành riêng cho Kiều: *Lòng riêng riêng những kính yêu*;  + Nhận hết tội lỗi về phía mình: *Trót lòng gây việc chông gai;*  *+* Trông cậy, nhờ vả hết vào tấm lòng khoan dung, độ lượng của Kiều: *Còn nhờ lượng bể thương bài nào chăng* | Hoạn Thư rất *khôn ngoan, giảo hoạt, thấu hiểu tâm lí đối phương*. Lúc đầu, Hoạn Thư tỏ ra sợ hãi nhưng vẫn bình tĩnh “liệu điều kêu ca”; biết dùng quy luật tâm lí thông thường của phụ nữ để đánh vào lòng thương cảm của Kiều; biết rõ Kiều là người trọng nghĩa, khéo léo thoả mãn lòng tự trọng của Kiều; thừa nhận toàn bộ lỗi lầm của bản thân nên đã chuyển hoá được sự thù hận trong lòng Kiều thành sự cảm thông và cuối cùng là được tha bổng | | |
| **2. Chủ đề của văn bản** | |
| **a. Mục tiêu:**  - Nhận biết và phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề.  **b. Tổ chức thực hiện**  Kĩ thuật động não, thảo luận nhóm  *Thời lượng: 10 phút* | |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  ? Chủ đề của văn bản là gì?  ? Căn cứ để xác định chủ đề?  **B2. Thực hiện nhiêm vụ**  - Hs thực hiện nhóm  **B3. Báo cáo thảo luận**  Hs chia sẻ sản phẩm của mình, nhận xét câu trả lời của nhóm bạn  **B4. Kết luận, nhận định**  - Gv nhận xét phần chia sẻ câu trả lời của học sinh và chốt kiến thức lên màn hình. | – Chủ đề của VB: Tấm lòng nhân nghĩa, vị tha của Thuý Kiều; khát vọng, ước mơ công lí chính nghĩa theo quan điểm của tác giả và nhân dân thời đại Nguyễn Du (con người bị áp bức, đau khổ sẽ vùng lên thực thi công lí “ở hiền gặp lành, ở ác gặp ác”).  – Căn cứ xác định chủ đề: Cách sắp xếp các sự kiện chính; cách khắc hoạ khung cảnh báo ân, báo oán; cách khắc hoạ tính cách nhân vật qua hành động, lời đối thoại, cách xây dựng các nhân vật trong tính chỉnh thể của VB. |
| **III. LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG** | |
| 1. **Mục tiêu**   - Hệ thống được một số đặc điểm của thể loại truyện thơ Nôm.  - Bước đầu rút ra được một số kinh nghiệm đọc VB truyện thơ Nôm.  **b. Tổ chức thực hiện**  *Thời lượng: 10 phút*  **B1. Chuyển giao nhiệm vụ**  (1) Hoàn thành bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | **Một số đặc điểm của truyện thơ Nôm** | **Lưu ý về cách đọc truyện thơ Nôm** | | ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. | | ………………………………………………………...  ………………………………………………………...  ………………………………………………………... | ……………………………………………………..  ……………………………………………………..  …………………………………………………….. |   (2) Trả lời câu 7 trong SGK.  **B2. Thực hiện nhiệm vụ:** Nhóm 4 – 6 HS thực hiện nhiệm vụ theo thứ tự (1) 🡪 (2)  **B3. Báo cáo thảo luận:**  Đại diện HS trình bày kết quả thực hiện. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **B4. Kết luận, nhận định:** Gv nhận xét, đánh giá.  (1) GV nhận xét, đánh giá kết quả làm việc của các nhóm dựa trên đặc điểm của truyện thơ Nôm đã học và lưu ý HS khi đọc truyện thơ Nôm cần chú ý: xác định tóm tắt các sự việc, từ đó xác định đặc điểm cốt truyện; chỉ ra đặc điểm, tính cách nhân vật được thể hiện qua hành động, ngôn ngữ (lời thoại), tâm trạng, cảm xúc,…; phân biệt lời thoại của nhân vật (đối thoại, độc thoại) và lời của người dẫn truyện; chú ý phân tích các chi tiết tiêu biểu, câu chuyện, nhân vật trong tính chỉnh thể của tác phẩm.  (2) GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HS dựa trên định hướng tham khảo sau:  – Truyện được kể bằng thơ nên giàu nhạc điệu; các chi tiết, sự kiện, nhân vật được kể lại, khắc hoạ bằng hệ thống các hình ảnh chọn lọc; ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật có tính hàm súc; các yếu tố của thơ như thanh điệu, vần, nhịp góp phần vào việc khắc hoạ chân dung nhân vật, miêu tả diễn biến tâm trạng, bối cảnh, tình huống,… Đặc biệt những đặc điểm của thơ rất phù hợp để miêu tả diễn biến tâm trạng, những thay đổi tâm lí hết sức tinh tế của nhân vật;…..  – Tuy kể chuyện bằng thơ lục bát nhưng vẫn phát huy được vai trò của người kể chuyện ngôi thứ ba bao quát mọi việc, quan sát, miêu tả, trần thuật, bình luận, một cách tự nhiên.  – Những dòng thơ lục bát kết hợp khéo léo giữa kể chuyện với miêu tả, bình luận; giữa lời của người kể chuyện với lời của nhân vật; giữa thuật lại hành động, lời nói với miêu tả tâm lí, thể hiện cảm xúc, thái độ của nhân vật,…  – Đặc biệt, cách xây dựng đối thoại của nhân vật qua câu thơ lục bát rất uyển chuyển, biến hoá. (GV có thể cho HS so sánh đối thoại Thuý Kiều – Từ Hải và đối thoại Thuý Kiều – Hoạn Thư để thấy rõ đặc điểm này). | |

**Những vấn đề cần lưu ý sau bài dạy**

…

…

…

🙛🟒🟒🟔🕮🟔🟒🟒🙙